NHẬN THỨC ĐÚNG HƠN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

*TS LÊ HẢI MƠ**

1. Kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường (KTTT) là nấc thang cao, giai đoạn hoàn thiện của kinh tế hàng hoá khi các quy luật, quan hệ thị trường giữ vai trò điều tiết, chi phối căn bản hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Khi các nguồn lực trong nền kinh tế được phân bổ thông qua các lực lượng thị trường là cơ bản thì người ta gọi nền kinh tế đó là KTTT. Theo kinh tế học hiện đại, thì "kinh tế thị trường là một kiểu tổ chức kinh tế; trong đó, các quyết định về việc phân bổ các nguồn lực sản xuất và phân phối sản phẩm được đưa ra trên cơ sở thoả thuận tự nguyện về giá cả giữa nhà sản xuất và khách hàng; người lao động và người sử dụng lao động".

KTTT không phải là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản (CNTB), mà là thành tựu của nhân loại trong quá trình tìm tòi, đào thải, phát triển và sáng tạo liên tục để tìm ra phương thức tổ chức sản xuất, phân phối thích hợp, hiệu quả. Bản thân phương thức sản xuất TBCN cũng là sản phẩm phát triển của nhân loại, CNTB thì không thể tự đẻ ra chính mình.

KTTT phản ánh trình độ phát triển cao của văn minh nhân loại; bản thân thị trường tự thân là công nghệ, phương tiện thông qua đó nhân loại phát triển kinh tế - xã hội, nhưng tính chất, mục đích và phương thức sử dụng thị trường ở các nấc thang phát triển của loài người và ở các hình thái kinh tế - xã hội thì mang dấu ấn, đặc thù riêng. Vì thế KTTT không chỉ là "công nghệ", là "phương tiện" để phát triển, mà còn là những quan hệ kinh tế - xã hội, nó không chỉ bao gồm các yếu tố của lực lượng sản xuất, mà còn cả một hệ thống quan hệ sản xuất (QHSX). Không có và không thể có một nền KTTT chung chung, thuần túy, trừu tượng tách rời khỏi hình thái kinh tế - xã hội và chế độ chính trị - xã hội cụ thể. KTTT thuộc phạm trù QHSX, nhưng nó không bao giờ tự sản sinh ra một hệ thống QHSX đầy đủ, độc lập với các phương thức sản xuất mà trong đó nó vận động. Nó bao giờ cũng gắn bó hữu cơ với hệ thống các QHSX và trao đổi của từng thời đại kinh tế, với các quan hệ sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối của từng phương thức sản xuất trong lịch sử.

Để phân biệt các nền KTTT khác nhau (tức là so sánh các nền KTTT đã có với nhau và hướng phát triển của nó), trước hết phải nói đến nền tảng kinh tế (mà hạt nhân là chế độ sở hữu), thể chế chính trị (thể hiện tập trung ở quyền lực chính trị) hình thành trên nền tảng kinh tế đó. Trong xã hội có giai cấp, quyền lực chính trị (QLCT) được thể chế hóa bằng luật pháp, thành quyền lực nhà nước cùng với quan hệ sở hữu trở thành những yếu tố then chốt chi phối, quyết định mục đích chính trị, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các nền KTTT cụ thể (QLCT - quyền lực nhà nước thực chất là quyền lực định hướng, điều khiển, tạo môi trường cho phát triển quốc gia).

Nhà nước là chủ thể quan trọng nhất tạo dựng thể chế kinh tế, đồng thời là công cụ chủ yếu thực hiện QLCT, lợi ích giai cấp (chính trị thực chất và cơ bản là quan hệ lợi ích kinh tế giữa các giai cấp, lợi ích của

* Viện Khoa học tài chính.

giai cấp thống trị kết tinh trong chính sách kinh tế nhà nước).

Như vậy, KTTT vừa có thể xây dựng và phát triển trên cơ sở kinh tế TBCN, vừa có thể xây dựng và phát triển trên cơ sở kinh tế XHCN; hai chế độ kinh tế - xã hội đều có thể sử dụng thị trường để phân phối tài nguyên, phát triển kinh tế theo các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của mình.

2. Những yếu tố cơ bản của kinh tế thị trường.

KTTT có khả năng tạo ra hàng hóa, dịch vụ phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng luôn ở trạng thái phát triển linh hoạt của xã hội, là không gian cho phép phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của quốc gia, đất nước. KTTT bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

a. Chủ thể thị trường: là chủ thể pháp nhân kinh tế có lợi ích kinh tế độc lập và có quyền tự chủ quyết định sách lược, chiến lược phát triển trong khung khổ thể chế kinh tế được xác lập.

b. Khách thể thị trường: sản phẩm hữu hình hoặc vô hình được trao đổi thông qua thị trường, sản phẩm hiện có hoặc sản phẩm có trong tương lai.

c. Giới trung gian thị trường: là môi giới và là chiếc cầu hữu hình hoặc vô hình liên kết các chủ thể thị trường (gồm hệ thống môi giới giữa những người sản xuất, giữa những người tiêu dùng, giữa những người sản xuất và người tiêu dùng, giữa những người sản xuất cùng loại và người sản xuất khác loại). Trung gian bao gồm: giá cả, cạnh tranh, thông tin, trung gian giao dịch, trọng tài giao dịch và cơ quan trọng tài.

KTTT có trật tự nội tại rất cao, khả năng tự điều chỉnh, tự xác định nhu cầu, khối lượng sản xuất cần thiết nhờ cơ chế giá và hệ thống thông tin thị trường; nó là thể chế phức tạp nhưng rất tinh vi và chỉ hoạt động hiệu quả nếu tất cả các bộ phận cấu thành vận hành nhịp nhàng, ăn khớp với nhau. Thị trường, cơ chế thị trường có khả năng điều chỉnh sự hình thành, vận động của thế giới hàng hóa đa dạng mà cơ chế kế hoạch hóa khó có thể làm thay và làm tốt được. Trong mọi loại hình KTTT, thị trường không hề bị chi phối bởi bất kì nhiệm vụ nào "nó chỉ liên kết, phục vụ tất cả các mục tiêu cạnh tranh, nhưng không có khả năng dự báo chính xác là mục tiêu nào sẽ được thực hiện bởi trong KTTT không tồn tại một giá trị duy nhất nào đó. Thị trường không hề săn đuổi mục tiêu nào đó, vì vậy hoàn toàn không nên phê phán, nguyền rủa nó chỉ vì mục tiêu không đạt được. Hiệu quả của nó là làm sao nâng khả năng của mọi người trong việc thực hiện mục tiêu của chính mình và thông qua đó nó giúp thực hiện mục tiêu của người khác và của xã hội nói chung".

3. Cơ chế kinh tế thị trường.

Cơ chế KTTT bao hàm ba thành tố chủ yếu là giá cả, cạnh tranh và người kinh doanh.

Giá cả là yếu tố hạt nhân của cơ chế thị trường, cơ chế giá là phương tiện chuyển giao thông tin kinh tế, là cái van điều tiết hoạt động của con người trong lĩnh vực kinh doanh; giá do thị trường quyết định không phải là phần thưởng công bằng hay không công bằng mà nó là bằng chứng giá trị nhất định của hàng hóa theo quan điểm của người khác hay của nền kinh tế nói chung. Cơ chế giá là hệ thần kinh của nền KTTT và giá có ba chức năng cơ bản là thông tin, khuyến khích và phân phối.

Chức năng thông tin gắn liền với thuộc tính của giá, vốn có trong mình thông tin về nhu cầu hàng hóa, nhu cầu và thực trạng thừa hay khan hiếm các nguồn lực sản xuất. Chức năng này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với điều tiết nền kinh tế.

Chức năng khuyến khích: giá khuyến khích mọi người sử dụng các nguồn lực có trong tay với kết quả do thị trường đánh giá là cao nhất, hiệu quả nhất; khuyến khích áp dụng phương pháp tổ chức sản xuất kinh tế nhất.

Chức năng phân phối: giá chỉ rõ chủ thể kinh tế thu được bao nhiêu? Trên phương diện khái quát, giá bao hàm các yếu tố cơ bản của tái sản xuất (C+V+m), trong điều kiện xác định người sản xuất hoàn toàn có thể ước định được tỉ lệ phân chia "m" giữa nhà nước và chủ kinh doanh. Giá khuyến khích mọi người vì nó trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập; nếu giá cả không thực hiện chức năng phân phối thu nhập thì người kinh doanh chẳng phải lo nghĩ, tìm kiếm thông tin và vấn đề xử lý thông tin cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Ba chức năng của giá có quan hệ tương hỗ nội tại rất chặt chẽ cấu thành cơ chế thống nhất, vì vậy nếu tách rời các chức năng thì hiệu quả hoạt động của toàn bộ cơ chế giá sẽ giảm mạnh (xu hướng tách rời chức năng đã tồn tại trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa: duy trì cơ chế khuyến khích tách rời chức năng phân phối, xu hướng này tồn tại cả trong KTTT khi nhà nước can thiệp quá mạnh vào nền kinh tế hoặc độc quyền giữ vai trò chi phối)

Về cạnh tranh, đối với doanh nghiệp, cạnh tranh là công cụ đem lại doanh lợi, ở tầm vĩ mô nó là động lực trực tiếp thúc đẩy sự hoàn thiện, phát triển KTTT và tạo điều kiện mang tính thi đua sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực, tiềm năng phát triển quốc gia. Thực tiễn phát triển hơn 50 năm qua của các nước TBCN và các nước XHCN trước đây cho thấy tư duy, hiểu biết thô thiển, méo mó về cạnh tranh (sự nhầm lẫn của thất bại trong điều tiết với cạnh tranh; sự lên án, quy kết cho nó tính chất phá hoại, vô chính phủ để rồi phủ định nó...) quả thật là tai hại và kìm hãm nghiêm trọng sự phát triển kinh tế - xã hội. Cần trả lại cho cạnh tranh vị thế vốn có của nó trong KTTT; thị trường và cạnh tranh là những cơ chế mạnh hơn bất kì guồng máy tối tân nào không chỉ trong điều kiện hiện tại mà cả trong tương lai; nó có thể làm được, làm tốt và làm một cách nhịp nhàng những gì mà cơ chế kế hoạch hóa quan liêu với đầu não là ủy ban kế hoạch nhà nước trước đây của cơ chế kế hoạch hoá, dù được trang bị công cụ tối tân, số người đông đúc đến đâu, dù đánh vật ngày đêm cũng khó có thể hoàn thành. Nếu như năng suất lao động, chất lượng hàng hóa đã là những "viên đại bác thần kì" công phá dinh lũy của chế độ phong kiến trước đây thì cơ chế thị trường và cạnh tranh sẽ là liệu pháp thần kì tạo xung lực khắc phục sự trì trệ của nền kinh tế do tệ quan liêu, hành chính tạo ra; là những "khắc tinh" của các thể chế quan liêu giống "lũ chuột" trước thanh thiên bạch nhật. Cạnh tranh còn là phương thức phát hiện và sử dụng đúng, hiệu quả nhân tài của quốc gia.

Trước hết, cạnh tranh là liều thuốc mở cửa, là sự tiên phong và đột phá khẩu của nhân loại nhằm tìm tòi, phát huy và sử dụng những tiềm năng, tri thức, bí mật của thế giới tự nhiên và xã hội chưa được khai thác để đáp ứng đầy đủ hơn, tốt hơn nhu cầu đa dạng và sự phát triển ngày càng cao của xã hội loài người. Cạnh tranh là phương thức hiệu quả hướng các loại nguồn lực chưa rõ ràng trong xã hội vào các mục tiêu chưa xác định cụ thể; là cần thiết cho phát hiện, phổ biến và sử dụng hiệu quả những tiềm năng phát triển bao hàm các loại nguồn công nghệ, kể cả tri thức mà từ trước tới nay con người chưa vươn tới được. Cạnh tranh là dạng khoa học thực nghiệm vì vậy sự chi phí cho nó là cần thiết và chớ vội quy kết sự khám phá, chi phí đó mang tính chất phá hoại.

Cạnh tranh "phát triển" hay cạnh tranh "hủy diệt" phụ thuộc vào tương quan, điều kiện lịch sử cụ thể, song hoàn toàn có cơ sở để khẳng định trên phương diện lịch sử và toàn cầu thì loại cạnh tranh "phát triển" đã và vẫn là xu thế chủ yếu, quyết định mà bằng chứng sống của lịch sử chính là sự phát triển liên tục của nhân loại. Vấn đề đặt ra là khuyến khích, tạo điều kiện cho cạnh tranh phát triển, hướng tới cạnh tranh hoàn hảo; cạnh tranh văn minh và công bằng; cạnh tranh vì sự phát triển và tiến bộ. Khi loại hình cạnh tranh "phát triển" giữ

vai trò chủ yếu thì tự nó có năng lực nội sinh chế ngự cạnh tranh "hủy diệt", đẩy lùi độc quyền kinh tế có hại (độc quyền và lợi nhuận độc quyền có thể khống chế, chi phối cả quyền lực chính trị lẫn quyền lực kinh tế của nhà nước; thực hiện nô dịch kinh tế đối với nhân dân).

Người kinh doanh (doanh nghiệp) chính là chủ thể hiện thực hóa các tiềm năng và ưu thế phát triển của thị trường và cơ chế thị trường chứ tuyệt nhiên không phải là nhà nước hay thế lực nào đó đứng sau nhà nước; mặc dù vậy cũng cần thừa nhận nhà nước có thể nhân lên (hoặc hủy diệt) các tiềm năng phát triển và ưu thế của KTTT. Thực tiễn thế giới và Việt Nam cho phép khẳng định hai vấn đề cơ bản:

- Sự thịnh, suy kinh tế của một quốc gia trước hết và trực tiếp phụ thuộc vào đội ngũ doanh nghiệp hùng mạnh hay ốm yếu, què quặt.

- Sứ mệnh lịch sử trong tạo việc làm, thu nhập cho đại đa số người lao động trực tiếp và chủ yếu đặt lên vai giới doanh nghiệp.

Người kinh doanh là người dựa vào không gian kinh tế và khung khổ thể chế kinh tế hiện hành tổ chức toàn bộ quá trình sản xuất hoặc các khâu trong sự liên kết của quy trình hoàn chỉnh; sẵn sàng tiếp nhận, xử lý mọi rủi ro có thể có và gánh chịu toàn bộ trách nhiệm. Về lợi nhuận và động cơ kinh doanh theo chúng tôi, cần lưu ý mấy vấn đề sau:

- Lợi nhuận là phạm trù khoa học kinh tế, về hình thái nó không có gì là xấu xa mà chúng ta phải dị ứng với nó như một thời đã có; nghiên cứu lợi nhuận đừng và không nên chỉ nhằm vào cái gọi là "lật tẩy" trình độ bóc lột mà cần phải nhìn nhận nó là thước đo hiệu quả sử dụng tổng hợp các nguồn lực phát triển, về cơ bản, lợi nhuận cao tức là cách thức tổ chức sản xuất tiến bộ.

Trong nền KTTT có hai chủ thể cơ bản chiếm đoạt và sử dụng lợi nhuận có nguồn gốc từ giá trị thặng dư là DN và nhà nước. Xét trên giác độ sử dụng, trong điều kiện bình thường theo bản năng tự nhiên thì phần lớn lợi nhuận của DN sẽ tự thân quay trở lại sản xuất hàng hóa và dịch vụ; nói cách khác, lợi nhuận lột xác trở thành tư liệu sản xuất mang tính xã hội hóa trên giác độ sử dụng; xu hướng và tính chất này sẽ ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

Nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN) xét cho cùng được cấu thành bởi một phần giá trị thặng dư khoác trên mình chiếc áo lợi nhuận chịu thuế, đóng góp của nhân dân và một phần giá trị thời gian lao động tất yếu của người lao động. Trên phương diện tổng thể, cơ cấu, tính chất, mục tiêu sử dụng nguồn lực NSNN cho thấy nhà nước là của ai, phục vụ cho tầng lớp xã hội nào? Đứng trên quan điểm lịch sử và phát triển thì bất kì nhà nước nào cản trở sự phát triển của sản xuất, chủ định hoặc bất lực trong việc tạo động lực, môi trường, thể chế cho kinh tế phát triển thì theo quan điểm của V.I Lênin (tác phẩm Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản) đều có thể xem là ăn bám và có tội với lịch sử. Nhà nước và doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển và chấn hưng sự thịnh vượng của quốc gia; tạo mọi điều kiện cho kinh tế, doanh nghiệp phát triển phải trở thành nhiệm vụ then chốt của nhà nước và đó cũng chính là tiền đề, cơ sở cho chính nhà nước tồn tại, phát triển.

4. Các điều kiện thiết yếu của một cơ chế thị trường hiệu quả.

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy những điều kiện cần thiết đối với một cơ chế thị trường có hiệu lực bao gồm: (1) Nhà nước cần bảo đảm về mặt pháp luật, thực hiện quyền tự do hợp đồng, duy trì các nguyên tắc cạnh tranh và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô; (2) Lòng tin vào thể

(Xem tiếp trang 36).